

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-PT
Ngày 15-11-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy
Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hải Hà
Bà Bùi Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 281/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn A, nơi cư trú: Số 5Đ34 ĐQB, phường ĐQB, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thu B, nơi cư trú: Số 5Đ34 ĐQB, phường ĐQB, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thu B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Anh Lê Văn A và chị Nguyễn Thu B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 5 năm 2012.

Về con chung: Anh Lê Văn A và chị Nguyễn Thu B có 01 con chung là Lê Ngọc C, sinh ngày 09/10/2012.

Theo nguyên đơn -Anh Lê Văn A trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018, không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bản thân anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Khi ly hôn anh A đồng ý giao con chung Lê Ngọc C cho chị B nuôi. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con anh A và chị B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn A và chị Nguyễn Thu B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn là chị Nguyễn Thu B không đến Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền làm việc mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án đã giải quyết theo thủ tục chung cụ thể: Tòa án đã tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt đến chị B theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về cuộc sống hôn nhân của anh A và chị B tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của gia đình. Các lời khai đều thể hiện mâu thuẫn của anh A và chị B là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh Lê Văn A giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai và đề nghị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền giải quyết cho anh được ly hôn với chị B. Bị đơn chị Nguyễn Thu B xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên, chị B trình bày không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình anh A luôn gây áp lực cho chị. Trước khi giải quyết ly hôn chị đề nghị với anh A và Hội đồng xét xử xem xét về việc chia tài sản chung vợ chồng và không đặt vấn đề về việc nuôi con chung.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 33/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thu B.

2. Về con chung: Giao con Lê Ngọc C, sinh ngày 09/10/2012 cho chị Nguyễn Thu B trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh A và chị B tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Văn A và chị Nguyễn Thu B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án số 33/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 23/8/2021, Chị Nguyễn Thu B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 33/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, Hải Phòng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án nêu trên và xét xử lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự với lý do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Chị không đồng ý ly hôn với anh A vì vợ chồng anh chị vẫn hạnh phúc, vẫn chung sống và vẫn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Trường hợp Tòa án xử cho anh A được ly hôn với chị, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại đơn trình bày ý kiến và biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thu B ngày 06/10/2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thu B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm nêu trên với lý do như sau: Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền đã không thực hiện theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị B không được tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa tại cấp sơ thẩm, việc này không đảm bảo được quyền lợi của chị B. bỏ lọt đương sự là chị Nguyễn Thị D với vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Chị Nhung và anh A đã chung sống như vợ chồng và có con chung là cháu Lê Nhật TA, sinh năm 2020.

Chị B không đồng ý ly hôn với anh A vì chị vẫn còn tình cảm với anh A, đề nghị cấp phúc thẩm bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh A. Trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn, chị B đồng ý nuôi dưỡng con chung là Lê

Ngọc C, sinh ngày 09/10/2012. Chị rút nội dung kháng cáo về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn là chị Nguyễn Thu B trình bày mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì con chung vẫn còn nhỏ. Chị Nguyễn Thu B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền. Với những lý do sau: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, vi phạm Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bỏ lọt chị Nguyễn Thị D là người chung sống như vợ chồng và có 01 con chung với anh Lê Văn A. Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt các thông báo, quyết định cho đương sự; không thông báo cũng như không có văn bản ghi ý kiến, yêu cầu của bị đơn; không tiến hành phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải. Tòa sơ thẩm đã vi phạm khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, không lấy lời khai của con chung và xem xét đến nguyện vọng của con muốn ở với ai.

Nguyên đơn là anh Lê Văn A vắng mặt tại phiên tòa. Tại giai đoạn phúc thẩm, anh A có lời khai giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, cho anh được ly hôn chị B vì tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn; giao con chung là cháu Lê Ngọc C, sinh ngày 09/10/2012 cho chị Nguyễn Thu B trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt không có lý do, không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Kháng cáo của chị Nguyễn Thu B hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã lâu, không có biện pháp khắc phục, người người đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế nên Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 298, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thu B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng: Anh Lê Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thu B. Về con chung: Giao con Lê Ngọc C, sinh ngày 09/10/2012 cho chị Nguyễn Thu B trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thu B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền về nơi cư trú của bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là chị Nguyễn Thu B kháng cáo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 33/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng là trong thời hạn luật định; chị Nguyễn Thu B đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của chị Nguyễn Thu B là hợp pháp.

- Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng khi bỏ lọt đương sự là chị Nguyễn Thị D với vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Chị Nhung và anh A đã có con chung là cháu Lê Nhật TA, sinh năm 2020: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị B không có yêu cầu Tòa án xác định chị Nguyễn Thị D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng như không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc anh A và chị Nhung đã có con chung như chị đã trình bày. Mặt khác, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa chị B và anh A, việc xác định chị Nhung là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cần phải có cơ sở, căn cứ giải quyết đối với quyền hoặc nghĩa vụ gì đối với chị Nhung. Do vậy, kháng cáo của chị Hoài cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng khi bỏ lọt đương sự là chị Nguyễn Thị D là không có căn cứ nên cấp phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt các thông báo, quyết định cho đương sự; không thông báo cũng như không có văn bản ghi ý kiến, yêu cầu của bị đơn; không tiến hành phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải...: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị B không đến Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền làm việc mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ, không cung cấp lời khai cho Tòa án về quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền đã giải quyết theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền đã tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt đến chị B là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ nhất chị B có văn bản trình bày chị đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh A vắng mặt nên chị đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện. Thể hiện chị B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này.

[5] Đối với kháng cáo không đồng ý ly hôn vì tình cảm vẫn còn. Nhận thấy: Căn cứ biên bản xác minh thu thập chứng cứ và lời khai của anh A thể hiện anh chị có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Anh A khẳng định anh đã không còn tình cảm với chị B, bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin về kinh tế và tình cảm dẫn đến việc anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi và có những lời lẽ xúc phạm nhau. Nhận thấy, một hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ tình cảm của cả vợ và chồng, tình cảm và mong muốn đoàn tụ của chị B là từ một phía. Nếu vợ chồng quay lại đoàn tụ thì cuộc sống chung của anh chị cũng không hạnh phúc. Chị B mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không thể hiện những việc làm cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không giải quyết được mâu thuẫn. Đến nay, anh A vẫn kiên quyết ly hôn với chị B cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân chị B có lời khai chị chỉ đồng ý ly hôn khi giải quyết cả vấn đề tài sản trong cùng phiên tòa, thể hiện quan hệ vợ chồng cũng đã có những mâu thuẫn và không thể tìm được tiếng nói chung.

Do vậy, cấp sơ thẩm quyết định cho anh A được ly hôn chị B là có căn cứ và phù hợp với thực tế hôn nhân của hai anh chị, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A, không chấp nhận kháng cáo của chị B về việc không đồng ý ly hôn.

[6] Về con chung: Xét thấy cháu Lê Ngọc C hiện đang ở với mẹ là chị Nguyễn Thu B. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh A đồng ý giao con chung cho chị B nuôi. Chị B trình bày tại đơn có nêu: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không xem xét vấn đề nuôi con chung nhưng tại biên bản lấy lời khai chị đã nêu: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Lê Ngọc C

cho chị B nuôi là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật, đảm bảo được việc ổn định về sinh hoạt, học tập cho cháu vì hiện cháu đang ở với mẹ, lại là con gái cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn. Vì vậy, cấp sơ thẩm giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hoài trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp thực tế, đảm bảo được quyền lợi của con và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con anh A và chị B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung, công nợ: Tại biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thu B ngày 06/10/2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, chị B rút nội dung kháng cáo: “Trong trường hợp Tòa xử cho anh A được ly hôn với chị, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng”. Chị trình bày sẽ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong một vụ án khác. Tại đơn trình bày ý kiến của chị Nguyễn Thu B vào ngày 07/10/2021 cũng thể hiện: “Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.” Do vậy, cần đình chỉ một phần kháng cáo của chị B về việc yêu cầu trong trường hợp Tòa xử cho anh A được ly hôn với chị, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Anh A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ nên không xem xét, giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thu B, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí:

[9] Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[10] Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thu B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Đình chỉ một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thu B về việc yêu cầu trong trường hợp Tòa xử cho anh A được ly hôn với chị, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thu B, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thu B.

2. Về con chung: Giao con Lê Ngọc C, sinh ngày 09/10/2012 cho chị Nguyễn Thu B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh A và chị B tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Anh Lê Văn A và chị Nguyễn Thu B đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Lê Văn A đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006821 ngày 02 tháng 10 năm 2021. Anh Lê Văn A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thu B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007098 ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thu B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân Thúy